TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/KDTM-ST
Ngày: 12/9/2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Văng Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương**

Ông **Võ Hoàng Vũ**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Võ An Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ:*** Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 552/2024/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Công ty TNHH X.**

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông **Chương Quang C**, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Số E T, khu V Sông H, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm: 1958. Địa chỉ: Số A, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

- *Bị đơn*: **Công ty TNHH MTV T (Nay là Công ty TNHH T)** (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H, chức vụ: Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2024, và quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Ngày 01/6/2022, Công ty TNHH X (Gọi tắt là Công ty X) và Công ty TNHH MTV T (Gọi tắt là Công ty T) ký kết hợp đồng kinh tế số 34/2022/HĐKT TT-TP về việc cung cấp cát nền phục vụ xây dựng công trình với nội dung chủ yếu sau: Hàng hóa mua bán: Cát nền sang lấp, số lượng tạm tính 8.000m^3, giá 210.000 đồng/m^3; Phương thức thanh toán: Bên mua phải trả đủ tiền cát cho bên bán theo tiến độ 1.000m^3 thanh toán một lần, khi bên bán bơm đủ cát cho bên mua tại công trình xây dựng; Địa điểm giao hàng: Đường T, đoạn T3, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Công ty X hoàn thành việc cung cấp vật tư cho Công Trường Tín đúng theo yêu cầu và có xác nhận của nhân viên kỹ thuật và giám sát công trình của Công ty trường tín vào ngày 07/01/2023, tuy nhiên, Công ty T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X. Đến ngày 10/11/2023, hai bên cùng tiến hành ký Biên bản xác nhận công nợ số 11/2023/BBCN/TT-TP, với nội dung: Tổng số tiền nợ Công ty T còn phải thanh toán cho Công ty X đến ngày 10/11/2023 là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Từ ngày ký Biên bản xác nhận nợ, Công ty X đã nhiều lần yêu cầu Công ty T thanh toán tiền nợ nhưng Công ty T1 không thực hiện nghĩa vụ. Do vậy, Công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính từ ngày vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm.

- *Bị đơn Công ty TNHH MTV T* (Nay là Công ty TNHH T) đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 420.000.000

đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền nợ nêu trên.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nêu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên việc Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng). Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, do nguyên đơn không yêu cầ nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn Công ty TNHH X khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV T (Nay là Công ty TNHH T) thanh toán số tiền mua bán hàng hóa còn nợ theo hợp đồng kinh tế số 34/2022/HĐKT TT-TP ngày 01/6/2022 được ký kết giữa hai bên. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các chủ thể có đăng ký kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có trụ sở tại số E, đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tư cách đương sự*: Xét giấy ủy quyền ngày 10/01/2024 của Công ty TNHH X là ủy quyền hợp lệ nên ông Chương Quang C và bà Nguyễn Thị Mỹ L có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

[3]*Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa*: Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp

luật nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[4.1] Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 34/2022/HĐKT TT-TP ngày 01/6/2022 và Biên bản xác nhận công nợ số 11/2023/BBCN/TT-TP ngày 10/11/2023, giữa Công ty TNHH X và Công ty TNHH MTV T thể hiện giữa Công ty TNHH X và Công ty TNHH MTV T ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với các nội dung chủ yếu sau: Hàng hóa mua bán: Cát nền sang lấp, số lượng tạm tính 8.000m^3, giá 210.000 đồng/m^3; Phương thức thanh toán: Bên mua phải trả đủ tiền cát cho bên bán theo tiến độ 1.000m^3 thanh toán một lần, khi bên bán bơm đủ cát cho bên mua tại công trình xây dựng; Địa điểm giao hàng: Đường T, đoạn T3, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Hợp đồng kinh tế số 34/2022/HĐKT TT-TP ngày 01/6/2022 và Biên bản xác nhận công nợ số 11/2023/BBCN/TT-TP ngày 10/11/2023 được người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH X và Công ty TNHH MTV T ký kết theo đúng quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên.

Tại Biên bản xác nhận nợ số 11/2023/BBCN/TT-TP ngày 10/11/2023 thể hiện: *Tổng số tiền nợ bên A (Công ty TNHH MTV T) còn phải thanh toán cho bên B (Công ty TNHH X) đến ngày 10/11/2023 là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng).* Như vậy, có căn cứ để xác định Công ty TNHH MTV T còn nợ Công ty TNHH X số tiền mua bán hàng hóa là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng). Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ nêu trên là có căn cứ.

[4.2] Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính từ ngày vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền bị đơn chậm thanh toán nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Từ những phân tích nêu trên*, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại 2005;

- Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X.

Buộc Công ty TNHH MTV T (Nay là Công ty TNHH T) thanh toán cho Công ty TNHH X số tiền là **420.000.000 đồng** (Bốn trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH MTV T (Nay là Công ty TNHH T) phải chịu 20.800.000 đồng (Hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn Công ty TNHH X được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.400.000 đồng (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001094 ngày 27/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
-TAND TPCT;
- VKSND.TPCT;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văng Thị Ngọc Yến